

VẤN ĐỀ TÊN GỌI VÀ THÀNH PHẦN TỘC NGƯỜI CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VÙNG NÚI KHU VỰC BÌNH TRỊ THIÊN

NGUYỄN VĂN MẠNH

Năm 1979 Tổng cục Thống kê đã ban hành Danh mục thành phần các dân tộc ở nước ta. Trong bảng Danh mục đó, tỉnh Bình Trị Thiên (cũ) có bốn dân tộc thiểu số cư trú: Chứt, Tà-ôi, Cơ-tu, Bru-Vân Kiều. Ngoài ra còn có một số người Hoa, Thái, Nùng... chuyển cư từ Đông Bắc, Tây Bắc vào khu vực này. Họ là những người vợ theo chồng hoặc vì lý do công việc phải chuyển đổi chỗ ở.

Trên thực tế ở Bình Trị Thiên (cũ) có nhiều nhóm người với những tên gọi khác nhau như Sách, Mày, Rục, Pacoh, Pahi... Nhưng dựa trên quan điểm hợp nhất các nhóm người có quan hệ gần gũi về ngôn ngữ, văn hoá và ý thức tự giác tộc người, các nhà dân tộc học nước ta đã nhập các nhóm người với những tên gọi khác nhau như Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng thành dân tộc Chứt; Pacoh, Kado, Tà-ôi, Tà Nốt, Kân Tua, Kà Tang, Kin đô, Kin Ne... thành tộc người Tà-ôi; nhóm Trì, Khùa, Macoong, Vân Kiều thành tộc người Bru - Vân Kiều và các nhóm với những tên như KhaTu, Katu, K'tu, Cậtu, Tou, Phương, Cao, Hạ, Aráp, Arang ... thành người Cơ-tu.

Trong ba tộc người đó, tộc danh Cơ-tu tương đối rõ ràng và ổn định. Tên gọi Cơ-tu đã được biết đến từ rất lâu trong lịch sử và đồng bào cũng thừa nhận tên gọi đó là tên gọi chung của dân tộc mình với nghĩa là người sống ở đầu ngọn nước. Các tên gọi khác như KhaTu, Katu, K'tu, Cậtu, Tou... chỉ là sự phiên âm và cách viết chệch của tộc danh Cơ-tu, còn các tên gọi Cao, Hạ,

Aráp, Arang... là những tên gọi theo địa danh của tộc người này (Nguyễn Xuân Hồng, 1998:12).

Về tộc người Chứt, từ cuối năm 1973, tại hội nghị bàn về Xác định thành phần tộc người ở Quảng Bình (Viện Dân tộc học, 1975: 500,534) các nhà khoa học đã nhất trí xếp các nhóm Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng là một dân tộc với tộc danh chung là "Chứt". Từ đó đến nay, nước ta đã qua ba lần tổng điều tra dân số toàn quốc, tên gọi Chứt vẫn được sử dụng một cách thống nhất để chỉ tất cả các nhóm tộc người nói ngôn ngữ Việt - Mường ở miền Tây tỉnh Quảng Bình. Trong "Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam" được Tổng cục trưởng Tổng cục thống kê nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 2-2-1979, dân tộc Chứt xếp thứ 44 trong tổng số 54 dân tộc ở Việt Nam.

Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay đồng bào các nhóm Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng không muốn gộp chung vào thành phần dân tộc Chứt, mà muốn tách ra thành các dân tộc riêng biệt. Nguyên nhân chính của tình hình trên là do các nhóm thuộc dân tộc Chứt có dân số ít, lại sống phân tán trên một vùng địa lý rộng lớn, bao gồm toàn bộ miền Tây - Bắc tỉnh Quảng Bình, nên các nhóm thường co cụm trong những vùng địa lý riêng biệt và dần dần giữa họ ngôn ngữ và văn hoá cũng có những khác biệt. Cùng với những điều đó, ý thức tự giác tộc người của các thành viên trong cộng đồng dân tộc Chứt ngày càng bị phân tách. Các tên gọi "Nha Chứt" - người

ở lèn đá, núi đá; “Nha Chút Chpa”- người Chút mình mà (Nguyễn Văn Mạnh, 1996: 54)- dần dần xa mờ trong tâm trí họ.

Ở miền núi tỉnh Quảng Bình thuộc hai huyện Tuyên Hoá và Mộc Hoá còn có khoảng 30.000 người Nguồn cư trú. Theo quan điểm các nhà dân tộc học Việt Nam, người Nguồn là người Việt ở vùng Thanh-Nghệ Tĩnh di cư vào vùng núi phía Tây Bắc Quảng Bình trong nhiều thế kỷ, có thể sớm nhất vào nửa thế kỷ thứ XV đến thời các triều đại phong kiến nhà Nguyễn. Tên gọi Nguồn “do những người ở vùng đồng bằng gọi một nhóm cư dân sinh sống ở thượng lưu sông Gianh. Tên này thực chất không có nghĩa miệt thị mà dùng để chỉ những người sinh sống ở đầu sông, ngọn nguồn” (Viện Dân tộc học, 1975: 476-477).

Dựa trên thành quả nghiên cứu về ngôn ngữ, văn hoá, gia phả người Nguồn, trong Hội nghị Xác định tộc người ở miền Bắc Việt Nam (1973), các nhà dân tộc học đã xếp dân tộc Nguồn vào dân tộc Việt (Viện Dân tộc học, 1975: 472,492). Từ đó đến nay, người Nguồn vẫn được coi là một nhóm địa phương của người Việt. Tuy nhiên một thực tế là nhóm Nguồn có ngôn ngữ và văn hoá ít nhiều khác biệt so với người Việt. Họ còn bảo lưu nhiều yếu tố ngôn ngữ và văn hoá của người Việt cổ. So với người Việt trong khu vực họ có một trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội thấp hơn. Đó là lý do cơ bản làm cho bộ phận người Nguồn có nguyện vọng muốn tách khỏi người Việt, để hình thành dân tộc riêng.

Về tộc danh Bru-Vân Kiều, vẫn đang tồn tại nhiều vấn đề chưa được thống nhất về tên gọi và ngữ nghĩa của nó. Trước hết từ năm 1930, tên gọi Bru đã được xuất hiện trong tác phẩm của học giả người

Pháp Hoffét. Ông cho rằng Bru là một cộng đồng người ở vùng Trung Đông Dương, trong đó có người Vân Kiều (Nguyễn Quốc Lộc, 1984: 38). Một số học giả Việt Nam cho rằng Bru bao gồm cả Vân Kiều, Tà-ôi, Cơ-tu hoặc chủ trương Bru gồm các nhóm Vân Kiều, Trì, Khùa, MaCoong (Nguyễn Quốc Lộc, 1984: 39). Cũng theo quan điểm này có tác giả cho rằng trong thời kỳ Pháp thuộc tên gọi Bru còn gắn với ý nghĩa miệt thị là “người rừng”. Vì vậy không nên sử dụng tên gọi “Bru” làm tộc danh cho dân tộc Vân Kiều (Nguyễn Quốc Lộc, 1984:39). Có tác giả lại cho rằng, nguyên xưa tộc người này có chung tên gọi “Sô”, nhưng trong quá trình phát triển tộc người này đã tách ra thành nhiều nhóm nhỏ như Trì, Khùa, MaCoong, Bru- Vân Kiều... (Nguyễn Xuân Hồng, 1998:8,9).

Về ngữ nghĩa của tên gọi Vân Kiều có nhiều quan điểm không thống nhất. Có tác giả cho rằng tên gọi Vân Kiều là một địa danh của tên gọi ngọn núi (nằm trong vùng từ Rào Quán đến Lao Bảo), hoặc từ tên gọi Khe Kiều (ở xã Hướng Hiệp, Hướng Hoá) (Nguyễn Xuân Hồng, 1998:9). Có tác giả cho rằng tên gọi Vân Kiều bắt nguồn từ Tổng Ông Kiều và Vân là phiên âm chệch của từ Vil, Vel, Val là “làng”. Vân Kiều hay Val Kiều là làng Ông Kiều (Nguyễn Xuân Hồng, 1998:10). Có tác giả chủ trương các nhóm Bru, Vân Kiều, Sô, Macoong, Trì, sẽ “hợp nhất với người Khùa để trở thành bộ tộc Khùa” (Mạc Đường, 1984: 50).

Hiện nay trên sách báo khoa học việc sử dụng tộc danh Bru- Vân Kiều không được thống nhất. Có tài liệu chỉ dùng tộc danh Vân Kiều để chỉ chung cho các nhóm Vân Kiều, Khùa, Macoong, Trì; có tài liệu dùng Bru-Vân Kiều.

Về người Tà-ôi, vấn đề tộc danh và thành phần tộc người có phần phức tạp hơn. Ngoài tên gọi Tà-ôi được sử dụng rộng rãi, ở một số nơi tộc người này còn có nhiều tên gọi khác nhau như Kần Tua, Kà Tang, Kin Đô, Kin Ne... Nhưng điều đáng nói ở đây là tên gọi Pacoh của tộc người này có thể xuất hiện từ lâu, nhưng chỉ phổ biến rộng rãi trong thời kỳ chống Mỹ, lại được cộng đồng hơn 10.000 người Tà-ôi ở huyện Alưới tỉnh Thừa Thiên- Huế sử dụng làm tộc danh mình (Nguyễn Xuân Hồng:13). Các nhà dân tộc học khi thừa nhận tộc danh Tà-ôi, đã cho rằng tên gọi Pacoh chỉ là từ phiếm xưng “người ở núi” (như tên gọi Bru của dân tộc Vân Kiều).

Cũng tương tự như vậy, Kadô là cách gọi của người Vân Kiều đối với người Tà-ôi, Pacoh, để chỉ “người bên kia”, nhằm phân biệt với “người bên này” (kanai). Mặc dầu vậy, tên gọi Kadô vẫn được một số nhóm người Tà-ôi ở Quảng Trị sử dụng là tộc danh của mình.

Về nhóm Pa hi, cho đến nay hiện vẫn đang còn nhiều ý kiến khác nhau. Trong Danh mục thành phần các dân tộc ở Việt Nam, người Pahi được xếp vào dân tộc Tà-ôi. Sở dĩ có việc xác định đó là do kết quả nghiên cứu ngôn ngữ của nhóm Pa hi, Pacoh, Tà-ôi có nhiều điểm giống nhau. Theo các tác giả Hoàng Thị Châu, Nguyễn Linh, tỷ số giống nhau trong ngôn ngữ của các nhóm Tà-ôi, Pacoh, Pahi Kadô rất cao, từ 90% đến 95%. Trong lúc đó so với tiếng Vân Kiều tỷ lệ giống nhau chỉ chiếm khoảng 70% và so với tiếng Cơ-tu, tỷ lệ đó là trên 50%. Cũng theo các tác giả trên, ngôn ngữ Tà-ôi, Pacoh, Pahi, Kadô chỉ là những phương ngữ của cùng một ngôn ngữ (Viện Dân tộc học, 1975: 207).

Các tác giả trong công trình “Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên” lại dựa vào

sự gần gũi về văn hoá, ngôn ngữ của người Pahy với người Vân Kiều và chủ trương xếp nhóm Pahy vào dân tộc Vân Kiều. Cũng có tác giả dựa vào lời kể của các cụ già về quê hương ban đầu của người Pahy là người Việt ở vùng dọc sông Ái Tử (Quảng Trị) và Vực Tư (Thừa Thiên - Huế), để đề xuất xếp nhóm người này thành một tộc người riêng. Những tác giả ủng hộ quan điểm này cho rằng người Pahy thực ra là bộ phận người Việt di cư lên sinh sống cận cư với các dân tộc thiểu số ở miền Tây Trị Thiên nên đã chịu quá trình “dân tộc thiểu số hoá” (Nguyễn Quốc Lộc, 1984:40,41).

Trên thực tế người Pahy ở vùng núi thấp hơn so với người Tà-ôi, Pacoh. Họ ở vùng tiếp giáp với người Việt, nên ngôn ngữ và văn hoá có nhiều yếu tố giống người Việt. Nhóm Pahy còn có một đặc điểm cần chú ý là bộ phận ở gần người Vân Kiều như ở xã Tà Long (huyện Đakrông) lại có nhiều yếu tố ngôn ngữ và văn hoá giống người Vân Kiều, nhưng nhóm Pahyh ở Hồng Hạ, Hồng Tiến (A Lưới) lại có nhiều yếu tố ngôn ngữ, văn hoá giống người Tà-ôi, nhóm Pahy ở phong Mỹ (Hương Điền) lại có nhiều yếu tố ngôn ngữ, văn hoá giống người Việt hơn.

Ở Hướng Hoá - Quảng Trị còn có một nhóm người có tên gọi Xicoreo (còn gọi là người Xi). Nhóm người này có nhiều yếu tố ngôn ngữ, văn hoá giống người Vân Kiều. Hiện nay ở Quảng Trị người Xi được xếp vào dân tộc Vân Kiều, nhưng cũng không ít ý kiến lại xếp người Xi vào dân tộc Tà-ôi. Có thể họ là bộ phận dân cư từ Lào chuyển sang. Trong những năm gần đây nhiều cán bộ và nhân dân ở Quảng Trị đề nghị xem xét xác định thành phần tộc người nhóm Xicoreo này..

Như vậy, cho đến nay mặc dầu trong danh mục thành phần các tộc người ở Việt Nam, ở vùng Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên – Huế có 4 dân tộc thiểu số cư trú là Chứt, Tà-ôi, Cơ-tu, Bru-Vân Kiều, nhưng thực tế còn nhiều vấn đề phức tạp, chưa giải quyết thoả đáng về thành phần tộc người của các nhóm Mã Liềng, Sách, Mày, Rục, Nguồn (ở Quảng Bình), Xicơreo, Pacoh, Pahy...(ở Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế). Điều đó cần được đặt ra trong việc xác định lại thành phần tộc người.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Hữu Dật. *Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998.
2. Mạc Đường. *Các dân tộc miền núi Bắc Trung Bộ*. Nxb KHXH, 1984.
3. Nguyễn Quốc Lộc (chủ biên). *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1984.
4. Nguyễn Xuân Hồng. *Hôn nhân- gia đình- ma chay của người Tà-ôi, Cơ-tu, Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế*; Sở Văn hoá thông tin Quảng Trị, 1998.
5. Nguyễn Văn Mạnh. *Người Chứt ở Việt Nam*. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1996.
7. Viện Dân tộc học. *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1975.



Mũi Cà Ná

Ảnh: Nguyễn Duy Thiệu